



TÀI NGUYÊN ĐẤT ĐAI VÀ ĐỀ XUẤT PHÁT TRIỂN VÙNG CHUYÊN CANH KHÓM TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG

Trần Văn Dũng¹, Trần Ngọc Linh², Phan Hoàng Vũ³, Phan Chí Nguyễn³ và Phạm Thanh Vũ³

¹Khoa Nông nghiệp và Sinh học Ứng dụng, Trường Đại học Cần Thơ

²Phòng Tài nguyên Môi trường huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang

³Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên, Trường Đại học Cần Thơ

Thông tin chung:

Ngày nhận: 05/08/2016

Ngày chấp nhận: 27/10/2016

Title:

Land resources and development proposal of an intensive pineapple cultivated zone in Tan Phuoc district, Tien Giang province

Từ khóa:

Cây khóm, đánh giá đất, phân vùng thích nghi, huyện Tân Phước

Keywords:

Pineapple, land evaluation, suitability zoning, Tan Phuoc District

ABSTRACT

The study aimed at using land resources efficiently and sustainably on an acid sulphate soil for pineapple cropping. In this research, descriptive statistical approach was used to assess the land usage land evaluation method (FAO, 1976) was applied to classify land areas in suitability with pineapple production. The study identified 26-land mapping-units by the combination of specific maps of soil and water. Based on the land unit map and land use requirements of pineapple, the zoning of land suitability classification in the current for pineapple cultivation was established, including: high suitability area (19.072,0ha); moderate suitability area (1.210, 94 ha); marginal suitability area (944, 64 ha); and non suitability area (12.093, 31 ha). The result of study will provide a basis for planners and strategic planning of pineapple crops development for the district.

TÓM TẮT

Nghiên cứu được thực hiện nhằm sử dụng tài nguyên đất một cách hiệu quả và bền vững trên vùng đất phèn cho sự phát triển của cây khóm. Nghiên cứu đã sử dụng phương pháp thống kê mô tả để mô tả, đánh giá thực trạng canh tác và phương pháp đánh giá đất đai của FAO (1976) để phân vùng thích nghi cho vùng trồng khóm. Kết quả đã thành lập được bản đồ đơn vị đất đai với 26 đơn vị đất đai từ việc chồng lắp các bản đồ đơn tính của đất và nước. Trên cơ sở bản đồ đơn vị đất đai và nhu cầu sử dụng đất đai của cây khóm đã phân được 4 vùng thích nghi đất đai tự nhiên cho vùng trồng cây khóm là: vùng thích nghi cao (19.072,0 ha), vùng thích nghi trung bình (1.210,94ha), vùng thích nghi kém (944,64ha) và vùng không thích nghi trong điều kiện hiện tại cho sự phát triển của cây khóm (12.093,31ha). Kết quả làm cơ sở giúp các nhà quy hoạch và hoạch định chiến lược phát triển vùng trồng khóm tập trung cho Huyện.

Trích dẫn: Trần Văn Dũng, Trần Ngọc Linh, Phan Hoàng Vũ, Phan Chí Nguyễn và Phạm Thanh Vũ, 2016. Tài nguyên đất đai và đề xuất phát triển vùng chuyên canh khóm trên địa bàn huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. Số chuyên đề: Nông nghiệp (Tập 4): 94-100.

1 GIỚI THIỆU

Tân Phước là một huyện nằm trong khu vực Đồng Tháp Mười, vốn là vùng trũng phèn, người

dân sống chủ yếu dựa vào nguồn lợi thu được từ sản xuất nông nghiệp, trồng các loại cây như: lúa, khóm, trà, khoai mỡ. Từ lâu danh hiệu “khóm Tân Lập” của huyện Tân Phước đã được nhiều

người biết đến. Việc phát triển cây khóm đã đem lại giá trị kinh tế, cải thiện cuộc sống của người dân và góp phần thay đổi bộ mặt của địa phương. Bên cạnh đó, thị trường tiêu thụ khóm rất lớn và nhu cầu ngày một gia tăng nên chính quyền địa phương đã có chủ trương đầu tư phát triển loại cây đặc sản có lợi thế cạnh tranh cao trở thành sản phẩm nông nghiệp chủ lực. Tuy nhiên, đứng trước thực trạng việc tự phát chuyển đổi diện tích đất trồng lúa, trồng tràm, trồng khoai mỡ sang trồng khóm không được quy hoạch, hệ thống các đê bao trồng khóm chưa được hoàn chỉnh, dễ bị ngập lụt ảnh hưởng đến năng suất và ô nhiễm môi trường. Ngoài ra, việc quy hoạch sử dụng đất dựa trên bản đồ đất cũ không còn phù hợp, cũng như vấn đề quy hoạch sử dụng đất còn mang tính bao quát mà chưa đi đến cụ thể cho một loại cây trồng chuyên biệt như cây khóm nên hiệu quả sử dụng tài nguyên đất chưa cao. Với những vấn đề trên, nghiên cứu được thực hiện nhằm xác định tiềm năng đất đai và nâng cao hiệu quả sử dụng đất với các loại cây trồng phù hợp, đặc biệt là cây khóm trên vùng đất phèn.

2 PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1 Phương pháp thu thập số liệu

Số liệu thứ cấp: bao gồm số liệu niên giám thống kê, chế độ thủy văn, các văn bản quy phạm pháp luật, các báo cáo liên quan đến đặc tính đất đai của vùng nghiên cứu: bản đồ đất, bản đồ hiện trạng sử dụng đất, bản đồ hệ thống thủy lợi và các bản đồ liên quan; các báo cáo về tình hình kinh tế - xã hội và sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là các nghiên cứu liên quan đến canh tác khóm.

Số liệu sơ cấp: số liệu được thu thập bằng cách phỏng vấn trực tiếp 120 nông hộ trồng khóm và cán bộ nông nghiệp địa phương về điều kiện tự nhiên, kinh tế-xã hội và môi trường, những thuận lợi và khó khăn khi canh tác khóm thông qua phiếu phỏng vấn đã xây dựng sẵn.

2.2 Phương pháp xử lý số liệu, thống kê mô tả và phương pháp so sánh

Các số liệu sau khi thu thập, xử lý nội nghiệp kết quả điều tra bằng phần mềm Microsoft Excel và SPSS (*Statistical Package for the Social Sciences*). Tiến hành phân tích, đánh giá thực trạng trồng khóm của nông hộ tại vùng nghiên cứu nhằm rút ra các kết luận dựa trên các số liệu và thông tin thu thập được và đồng thời đánh giá số liệu biến động diện tích về tình hình sản xuất khóm hàng năm.

2.3 Phương pháp bản đồ và GIS

Thu thập được các loại bản đồ đất, nước, thủy văn, hiện trạng sử dụng đất và các bản đồ chuyên đề khác của vùng nghiên cứu và tiến hành khảo sát bổ sung bản đồ đất (30 mũi khoan bổ sung), nước.

Khóm là loại cây trồng cần điều kiện đất tơi xốp, thoát nước tốt, lại chịu ảnh hưởng của quá trình phèn hóa nên muốn trồng khóm hiệu quả phải chú ý thu thập các đặc tính đất đai: độ sâu tầng phèn, độ sâu ngập và thời gian ngập.

Sử dụng công cụ GIS để tiến hành số hóa, chỉnh lý, xây dựng, biên tập, chồng lắp và hoàn chỉnh các bản đồ chuyên đề đất, nước, thủy văn, đơn vị đất đai.

2.4 Phương pháp đánh giá thích nghi đất đai định tính (FAO, 1976)

Phương pháp đánh giá thích nghi tự nhiên theo FAO (1976) được sử dụng để đánh giá thích nghi của các kiểu sử dụng đất đai, làm cơ sở cho việc đề xuất định hướng quy hoạch vùng sản xuất phù hợp với điều kiện tự nhiên cho cây khóm tại khu vực vùng nghiên cứu và được thực hiện qua các bước sau:

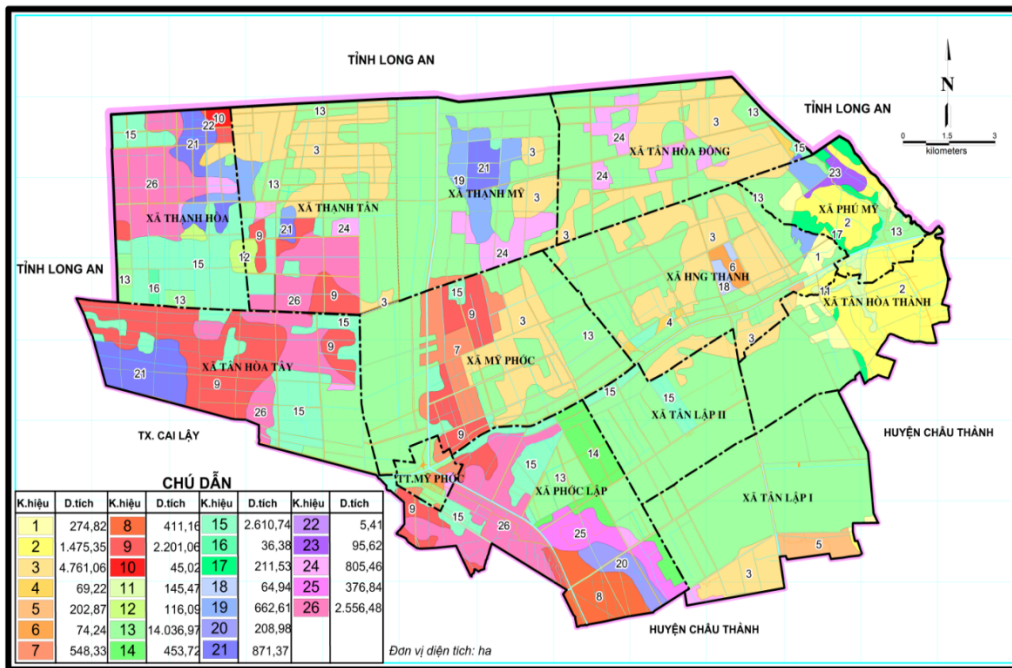
- Khảo sát cơ bản nguồn tài nguyên đất đai.
- Chọn lọc và mô tả kiểu sử dụng đất đai.
- Chuyển đổi những đặc tính đất đai thành chất lượng đất đai.
- Xác định yêu cầu về đất đai cho các kiểu sử dụng đất đai.
- Đối chiếu - phân hạng khả năng thích nghi đất đai.

3 KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1 Kết quả thành lập bản đồ đơn vị đất đai

Tổng hợp 4 lớp thông tin bản đồ đơn tính của đặc tính đất đai để tạo nên bản đồ đơn vị đất đai, các vùng có các đặc tính đất đai giống nhau được khoanh lại cùng một vùng trên cơ sở chồng lắp 4 bản đồ đơn tính, mỗi khoanh vùng đơn vị trên bản đồ có các đặc trưng tự nhiên đồng nhất. Kết quả cho thấy, toàn vùng nghiên cứu có 26 đơn vị đất đai được phân lập với các đặc tính (Bảng 1) và sự phân bố các đơn vị đất đai (Hình 2).

Kết quả thành lập bản đồ đơn vị đất đai huyện Tân Phước cho thấy có 26 đơn vị đất đai với sự phân bố các đơn vị đất đai (Hình 2) như sau: Đất không phèn hay độ sâu xuất hiện tầng phèn, tầng sinh phèn lớn hơn 100 cm, không bị ngập (đơn vị đất đai số 1, 3 và đơn vị số 13) được phân bố chủ tập trung ở Tân Lập 1, Tân Lập 2, Hưng Thạnh, Tân Hòa Đông, Mỹ Phước, Thạnh Mỹ và rải rác tại hầu hết các xã. Đơn vị đất đai số 7 và số 9 là các đơn vị có đặc tính đất không phèn, tầng sinh phèn từ 50 - 100 cm, độ dày tầng canh tác từ 50 - 100 cm và không bị ngập được phân bố tại 2 xã Mỹ Phước và Thạnh Mỹ.



Hình 2: Bản đồ đơn vị đất đai đại huyện Tân Phước

Bảng 1: Đặc tính đất đai của các đơn vị đất đai trong vùng nghiên cứu

ĐV ĐD	Đất			Nước		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
	Độ sâu tầng xuất hiện tầng phèn (cm)	Độ sâu xuất hiện tầng sinh phèn (cm)	Độ sâu ngập (cm)	Thời gian ngập (ngày)			
1	Không phèn	Không phèn	Không ngập	Không ngập		274,82	0,82
2	Không phèn	Không phèn	60-100 cm	90 ngày		1.475,35	4,43
3	Không phèn	100-150	Không ngập	Không ngập		4.761,06	14,29
4	Không phèn	100-150	> 100 cm	90 ngày		69,22	0,21
5	Không phèn	100-150	60-100 cm	90 ngày		202,87	0,61
6	Không phèn	100-150	< 30 cm	1-5 ngày		74,24	0,22
7	Không phèn	50-100	Không ngập	Không ngập		548,33	0,65
8	Không phèn	50-100	> 100 cm	60 ngày		411,16	1,23
9	Không phèn	50-100	> 100 cm	90 ngày		2.201,06	6,61
10	Không phèn	50-100	> 100 cm	quanh năm		45,02	0,14
11	Không phèn	50-100	60-100 cm	90 ngày		145,47	0,44
12	Không phèn	<50	> 100 cm	90 ngày		116,09	0,35
13	100-150	>150	Không ngập	Không ngập		14.036,97	42,13
14	100-150	>150	> 100 cm	60 ngày		453,72	1,36
15	100-150	>150	> 100 cm	90 ngày		2.610,74	7,83
16	100-150	>150	> 100 cm	quanh năm		36,38	0,11
17	100-150	>150	60-100 cm	90 ngày		211,53	0,63
18	100-150	>150	< 30 cm	1-5 ngày		64,94	0,19
19	50-100	100-150	Không ngập	Không ngập		662,61	1,99
20	50-100	100-150	> 100 cm	60 ngày		208,98	0,63
21	50-100	100-150	> 100 cm	90 ngày		871,37	2,62
22	50-100	100-150	> 100 cm	quanh năm		5,41	0,02
23	50-100	100-150	60-100 cm	90 ngày		95,62	0,29
24	<50	50-100	Không ngập	Không ngập		805,46	2,42
25	<50	50-100	> 100 cm	60 ngày		376,84	1,13
26	<50	50-100	> 100 cm	90 ngày		2.556,48	7,67
Tổng						33.321,74	100

Đất không phèn có độ sâu xuất hiện tầng sinh phèn nhỏ hơn 50 cm, đơn vị đất đai này bị ngập với độ sâu ngập từ 0 - 30 cm, thời gian ngập dưới 5 ngày (đơn vị đất đai số 6, 18 và 24) và được phân bố tập trung chủ yếu tại các xã Hưng Thạnh, Tân Hòa Đông, Thạnh Mỹ, Thạnh Tân.

Các đơn vị đất đai còn lại là những đơn vị đất đai bị ngập và thời gian ngập kéo dài trên 60 ngày, phân bố chủ yếu tại các xã Phú Mỹ, Tân Hòa Thành, Phước Lập, Thạnh Tân, Thạnh Hòa, Tân Hòa Tây và một phần diện tích ở các xã: Mỹ Phước, Tân Lập 1, Tân Lập 2 và Thạnh Mỹ.

3.2 Kết quả phân hạng khả năng thích nghi đất đai cho kiểu sử dụng trồng khóm

Dựa trên cơ sở nhu cầu sinh thái cây khóm, thị trường, đặc điểm về điều kiện tự nhiên để đánh giá

Bảng 2: Yêu cầu chất lượng đất đai cho kiểu sử dụng đất đai

STT	Yêu cầu chất lượng đất đai	Yếu tố chẩn đoán	Trồng cây khóm
1	Nguy hại do phèn	Độ sâu tầng phèn	Y
		Độ sâu tầng sinh phèn	Y
2	Nguy hại do lũ	Độ sâu ngập	Y
		Thời gian ngập	Y

Ghi chú: Y- được yêu cầu

Phân cấp yếu tố là phân chia các cấp giá trị của từng yêu cầu sử dụng đất đai tương ứng với điều kiện chẩn đoán của CLĐĐ trong ĐVBĐĐĐ. Các tiêu chuẩn cho phân cấp thích nghi này chủ yếu dựa vào kết quả khảo sát các điều kiện kinh tế, xã hội, tự nhiên ngoài đồng (Lê Quang Trí, 2010).

Do những yêu cầu sử dụng đất đai khác nhau nên phân cấp yếu tố khác nhau cho từng kiểu sử dụng đất đai, phân cấp yếu tố theo FAO (1976). Có 4 cấp thích nghi đất đai được sử dụng như sau:

– S1: thích nghi cao, đạt hơn 80% năng suất tối hảo.

thích nghi cho cây khóm, chúng ta cần phải xác định, phân tích và so sánh các chất lượng đất đai và yêu cầu sử dụng đất đai. Yêu cầu sử dụng đất đai của cây khóm cần phải so sánh, thiết lập và xác định các vấn đề sau:

– Những điều kiện đạt tốt nhất để kiểu sử dụng đất đai thích nghi;

– Những thay đổi điều kiện mà năng suất không đạt tới mức tối hảo nhưng có thể chấp nhận được;

– Những điều kiện chưa thỏa đáng.

Dựa vào điều kiện đất, nước của vùng nghiên cứu các chất lượng đất đai được yêu cầu cho cây khóm. Chi tiết về yêu cầu chất lượng đất đai và các yếu tố chẩn đoán của kiểu sử dụng đất đai được trình bày trong Bảng 2.

– S2: thích nghi trung bình, đạt 40 - 80% năng suất tối hảo.

– S3: thích nghi kém, đạt 20 - 40% năng suất tối hảo.

– N: không thích nghi, đạt nhỏ hơn 20% năng suất tối hảo.

Dựa vào yêu cầu sinh lý của cây trồng và điều kiện tự nhiên kết hợp với yêu cầu kinh tế, xã hội, môi trường, đồng thời cũng xác định được các yêu cầu về CLĐĐ mà trong đó các đặc tính chẩn đoán cho từng CLĐĐ ảnh hưởng trực tiếp đến loại hình sử dụng đất, theo cơ cấu sử dụng đất đai chọn ra được CLĐĐ tương ứng trình bày trong Bảng 3.

Bảng 3: Chất lượng đất đai, yêu cầu sử dụng đất đai và yếu tố chẩn đoán cho trồng cây khóm.

Kiểu sử dụng đất đai	Yêu cầu sử dụng đất đai	Yếu tố chẩn đoán
Trồng cây khóm	Nguy hại do phèn	Độ sâu tầng phèn
		Độ sâu tầng sinh phèn
	Nguy hại do lũ	Độ sâu ngập Thời gian ngập

Từ Bảng 3, nghiên cứu thành lập được bảng phân cấp yếu tố thích nghi cho trồng cây khóm. Kết quả phân cấp này được hình thành trên cơ sở các kết quả đánh giá thích nghi đất đai và các tài liệu có liên quan. Dựa vào các đặc tính đất đai có

trong bản đồ đơn tính được tạo nên qua quá trình điều tra và thu thập số liệu về vùng nghiên cứu. Kết quả phân cấp yếu tố cho kiểu sử dụng đất trồng khóm ở vùng nghiên cứu được trình bày trong Bảng 4.

Bảng 4: Phân cấp yếu tố cho kiểu sử dụng trồng khóm

Yêu cầu sử dụng đất đai	Yếu tố chẩn đoán	Phân cấp thích nghi			
		S1	S2	S3	N
Nguy hại do phèn	Độ sâu tầng phèn (cm)	Không phèn hoặc >100	50-100	<50	-
	Độ sâu tầng sinh phèn (cm)	Không phèn hoặc >100	50-100	<50	-
Nguy hại do lũ	Thời gian ngập (ngày)	Không ngập	<1	<5	>5
	Độ sâu ngập (cm)	Không ngập	0-30	30-60	>60

Kết quả phân hạng khả năng thích nghi đất đai cho cây khóm (Bảng 5) có được là do sự so sánh giữa chất lượng đất đai của các đơn vị bản đồ đất đai với yêu cầu sử dụng đất đai của kiểu sử dụng trồng khóm được diễn tả dưới dạng phân cấp yếu tố.

Bảng 5: Tổng hợp thích nghi của cây khóm đối với các ĐVBDD huyện Tân Phước

ĐVBDD	Cây khóm
1, 2, 3, 4, 5, 6, 13, 14, 15, 17, 18	S1
7, 8, 9, 11, 19, 20, 21, 23	S2
12, 24, 25, 26	S3
10, 16, 22	N

Bảng 6: Phân vùng thích nghi đất đai tự nhiên cho cây khóm tại huyện Tân Phước

Vùng thích nghi	Đơn vị đất đai	Mức thích nghi	Diện tích thích nghi (ha)
I	1, 2, 3, 4, 5, 6, 13, 14, 15, 17, 18	S1	24.235,47
II	7, 8, 9, 11, 19, 20, 21, 23	S2	5.144,59
III	12, 24, 25, 26	S3	3.854,87
IV	10, 16, 22	N	86,81

Kết quả phân vùng thích nghi đất đai cho kiểu sử dụng chuyên trồng khóm huyện Tân Phước cho thấy có 4 vùng thích nghi với sự phân bố và diện tích các vùng thích nghi được thể hiện như sau:

Vùng thích nghi I bao gồm các đơn vị đất đai số 1, 2, 3, 4, 5, 6, 13, 14, 15, 17 và 18 với diện tích 24.235,47 ha có mức độ thích nghi cao cho cây khóm (S1). Vùng này là đất lập liếp, không bị ảnh hưởng bởi lũ lụt, đa số gần sông nên thuận lợi cho việc tưới tiêu tốt so với các vùng khác.

Vùng thích nghi II có mức độ thích nghi trung bình (S2), với tổng diện tích 5.144,59 ha gồm các đơn vị đất đai số 7, 8, 9, 11, 19, 20, 21 và đơn vị 23. Vùng này do yếu tố bộ độ sâu xuất hiện tầng phèn làm ảnh hưởng đến làm giảm mức độ thích nghi của kiểu sử dụng đất (cây khóm).

Kết quả phân hạng khả năng thích nghi đất đai (Bảng 5) cho thấy mức thích nghi tự nhiên của cây khóm trong vùng nghiên cứu trên các đơn vị đất đai từ thích nghi cao (S1) cho đến không thích nghi (N).

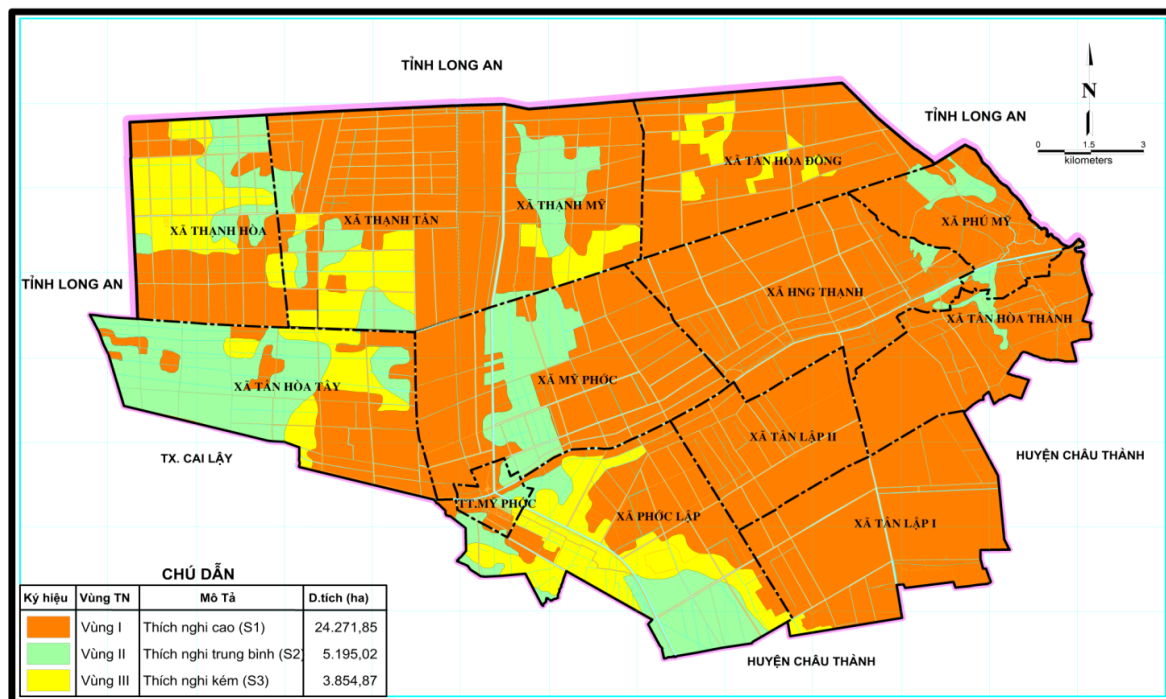
3.3 Kết quả phân vùng thích nghi đất đai định tính cho cây khóm huyện Tân Phước

Dựa trên cơ sở kết quả phân hạng khả năng thích nghi đất đai cho kiểu sử dụng đất chuyên trồng khóm. Kết quả phân vùng thích nghi tự nhiên cho kiểu sử dụng đất chuyên trồng khóm tại huyện Tân Phước, Tiền Giang có 4 vùng thích nghi tự nhiên (Bảng 6).

Vùng thích nghi III là vùng bao gồm các đơn vị đất đai số 12, 24, 25 và đơn vị đất đai số 26 với diện tích 3.854,87 ha, vùng này do ảnh hưởng của phèn nên có mức thích nghi kém cho cây khóm.

Vùng thích nghi IV là vùng gồm 3 đơn vị đất đai (đơn vị đất đai số 10, 16 và đơn vị số 22) với diện tích 86,81 ha và mức độ thích nghi của vùng này là không thích nghi trồng khóm.

Kết quả đánh giá thích nghi đất đai trong điều kiện hiện tại của huyện Tân Phước cho thấy, trên toàn vùng nghiên cứu điều có khả năng cho thích nghi với kiểu sử dụng trồng khóm chỉ trừ một phần diện tích 86,81 ha đã đào ao nuôi thủy sản ở xã Thạnh Hòa là không thích nghi trồng khóm (Hình 3).



Hình 3: Bản đồ phân vùng thích nghi tự nhiên của vùng nghiên cứu

3.4 Hiệu quả kinh tế cho cây khóm

Chi phí đầu tư trung bình cho 1ha trong giai đoạn kiến thiết là 69.246,66 đồng/ha/năm; giai đoạn từ năm thứ 2 đến năm thứ 3 là 36.105.000 đồng/ha/năm, giai đoạn từ năm thứ 3 đến năm thứ 6 là 38.833.886 đồng/ha/năm. Năng suất trung bình giai đoạn từ năm thứ 2 đến năm thứ 3 là 32,33 tấn/ha/năm; giai đoạn từ năm thứ 4 đến năm thứ 6 năng suất giảm khá lớn, còn 16,60 tấn/ha/năm. Với trung bình chi phí, năng suất đạt được thì doanh thu trung bình tương ứng của giai đoạn từ năm thứ 2 đến năm thứ 3 là 192.889.000 đồng/ha/năm; giai đoạn từ năm thứ 4 đến năm thứ 6 là 98.898.500 đồng/ha/năm.

Bảng 7: Doanh thu hàng năm trung bình của nông hộ trong từng vùng trồng khóm

Đơn vị: 1.000 đồng/ha

Năm	Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3
2	286.745	271.955	246.500
3	128.600	117.909	105.627
4	119.000	106.075	92.800
5	106.500	101.575	89.950
6	102.000	88.500	83.687
TB	149.004,4	137.202,8	123.712,8
Tổng	742.845	686.014	618.564

(Nguồn: Kết quả tính toán từ số liệu điều tra, 2015)

Doanh thu cũng như lợi nhuận của người trồng khóm phụ thuộc vào năng suất và giá bán khóm. Dựa trên năng suất và giá bán tính được doanh thu trung bình hàng năm của nông hộ qua từng năm ở từng vùng. Phân tích trên cho thấy năm thứ 2 cây khóm mới bắt đầu cho thu hoạch trái và có năng suất cao nhất. Từ năm thứ 3 trở đi năng suất cũng giảm dần theo độ tuổi của cây. Do đó, doanh thu của người nông dân cũng giảm dần theo độ tuổi của cây (Bảng 7). Trung bình doanh thu giữa các vùng có chênh lệch nhau khá lớn. Doanh thu của vùng 1 là cao nhất, xếp thứ 2 là vùng 2 và đứng sau cùng là vùng 3.

3.5 Đề xuất quy hoạch vùng chuyên canh sản xuất khóm tập trung huyện Tân Phước

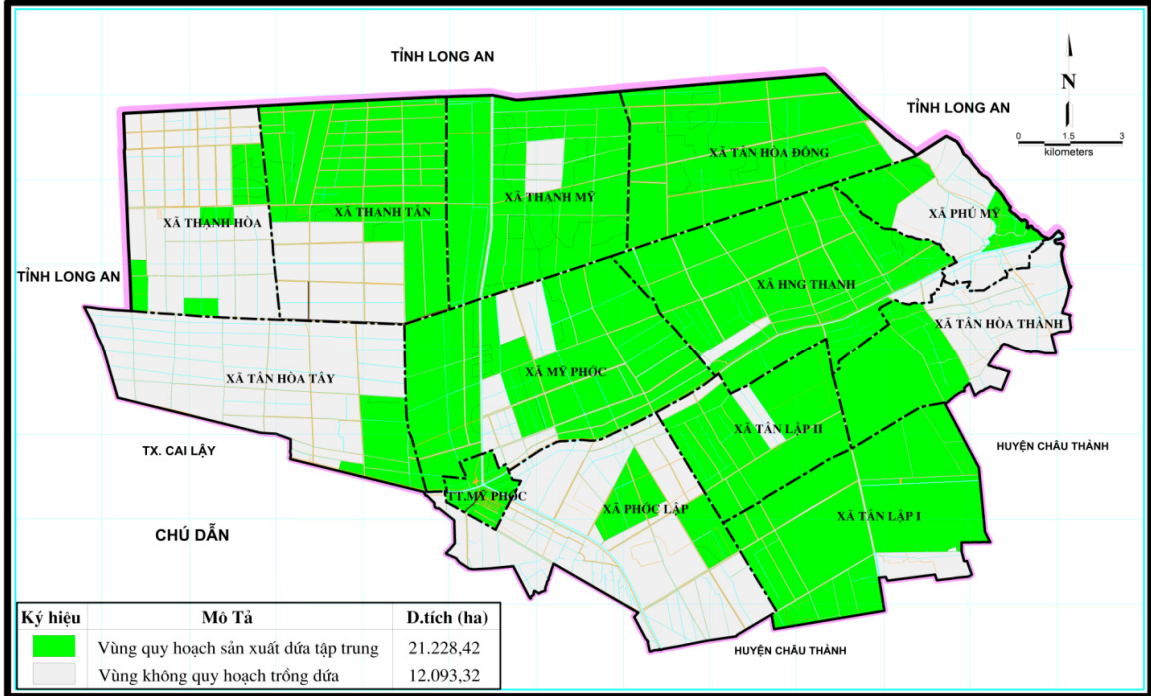
Trên cơ sở kết quả phân vùng thích nghi tự nhiên và kết quả phân tích tài chính cho cây khóm. Căn cứ vào định hướng phát triển kinh tế- xã hội huyện Tân Phước, hiện trạng sử dụng đất, nhu cầu sinh thái cây khóm và đặc điểm tài nguyên đất như loại hình thổ nhưỡng, đặc điểm nguồn nước, hệ thống thủy lợi cấp nước, kiểm soát lũ, triều. Nhằm khai thác tốt điều kiện về sinh thái, phát triển cây khóm ở mức thích nghi (S1, S2) và một phần đất đai ít thích nghi (S3).

- **Vùng chuyên canh sản xuất khóm tập trung:** có quy mô diện tích là 21.228,42 ha. Đây là vùng đất phần lớn đã lập lập, hệ thống giao thông, thủy lợi và đê bao tương đối hoàn chỉnh thích nghi cho cây khóm phát triển gồm các xã như Tân Lập

1, Tân Lập 2, Hưng Thạnh, Mỹ Phước, Tân Hòa Đông Thạnh Mỹ và một phần xã Thạnh Tân (Hình 4).

– **Vùng không phát triển cây khóm:** có quy mô diện tích 12.093,32 ha. Đây là vùng đất có một phần bị nhiễm phèn nặng, sớ hạ tầng chưa phát triển, hệ thống đê bao chưa hoàn chỉnh hàng năm thường bị ngập lụt và thời gian ngập tương đối kéo

dài không thích nghi cho cây khóm, tập trung ở xã Thạnh Hòa, Tây Hòa Tây, Phú Mỹ, Phước Lập và một phần của xã Tân Hòa Thành, và Thạnh Tân. Nếu muốn phát triển phải đầu tư cơ bản với chi phí cao nên đề xuất không phát triển cây khóm ở vùng này (Hình 4).



Hình 4: Bản đồ định hướng quy hoạch vùng chuyên canh sản xuất khóm tập trung

4 KẾT LUẬN

Đã xác định được 03 vùng thích nghi đề xuất quy hoạch vùng chuyên canh sản xuất khóm tập trung. Kết quả đề xuất quy hoạch vùng chuyên canh sản xuất khóm tập trung với quy mô diện tích là 21.228,42 ha, chiếm 63,7% tổng diện tích đất tự nhiên và được phân bố tại các xã như Tân Lập 1, Tân Lập 2, Hưng Thạnh, Mỹ Phước, Tân Hòa Đông Thạnh Mỹ và một phần xã Thạnh Tân. Đây là cơ sở định hướng cho địa phương trong việc bố trí sản

xuất và nâng cao hiệu quả sử dụng đất trên vùng đất phèn, góp phần cải thiện đời sống người dân.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- FAO, 1976. A Framework for Land Evaluation (FAO, Rome).
- FAO, 2007. Land evaluation. Towards revised framework. FAO Land and Water Discussion paper No6. FAO, Rome.
- Lê Quang Trí. 2010. Giáo trình đánh giá đất đai. NXB Đại học Cần Thơ.